

QUỐC HIỆU NHÀ LÝ

Đinh Văn Tuấn*

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, vào năm 1054, sau khi lên ngôi, vua Lý Thánh Tông đặt ra quốc hiệu là Đại Việt (“kiến quốc hiệu viết Đại Việt” 建國號曰大越),⁽¹⁾ và từ đó về sau được các triều đại Trần, Hậu Lê, Lê trung hưng, chúa Trịnh - Nguyễn vẫn sử dụng lại quốc hiệu này (quốc hiệu Đại Việt chỉ bị gián đoạn khi nhà Hồ cải quốc hiệu là Đại Ngu và chấm dứt vào thời nhà Nguyễn với quốc hiệu mới là Việt Nam). Hầu như mọi sử gia, học giả trong và ngoài nước Việt Nam từ xưa đến nay đều tin tưởng không chút hoài nghi là quốc hiệu Đại Việt do vua Lý Thánh Tông lần đầu tiên đặt ra. Tuy nhiên, trong bài viết “Nhận thức mới về quốc hiệu nhà Đinh”,⁽²⁾ chúng tôi đã gợi ý, nhận định như sau: “*Sự xuất hiện quốc hiệu Đại Việt trên viên gạch thời Đinh ở Hoa Lư đã là bằng chứng quan trọng để phủ nhận định kiến xưa nay về quốc hiệu Đại Việt do Lý Thánh Tông đặt ra. Sự thật là nhà Lý chỉ dùng lại tên nước cũ từ thời Đinh - Tiền Lê mà thôi*”.

Bài viết này sẽ tiếp tục mở rộng và đi sâu hơn vào vấn đề này để xác định một lần nữa về quốc hiệu Đại Việt không phải do Lý Thánh Tông đặt ra lần đầu tiên trong lịch sử.

Tài liệu khảo cổ, thư tịch liên quan đến quốc hiệu Đại Việt thời Lý

Hai tài liệu sử - địa thuộc hàng sớm nhất là *Đại Việt sử lược*⁽³⁾ và *An Nam chí lược*⁽⁴⁾ (khoảng đời Trần), thật đáng ngạc nhiên, lại không hề ghi chép gì về sự kiện trọng đại vào năm 1054, Lý Thánh Tông đặt ra quốc hiệu Đại Việt. Quốc hiệu “Đại (Cù) Việt” của Đinh Tiên Hoàng cũng không thấy nhắc đến. Sẽ có người cho là do tính chất “sơ lược” của tác phẩm nên các soạn giả đã bỏ qua. Luận điểm này không thuyết phục vì sự kiện quan trọng là đặt quốc hiệu mới của nước nhà đối với sử gia là không thể xem thường rồi bỏ qua được và trong một tác phẩm sử - địa dù là sơ lược lại càng phải chú trọng nêu ra, bằng chứng là quốc hiệu “Vạn Xuân” của Lý Bí, Nam Việt Đế đã được *Đại Việt sử lược* ghi nhận. Ngay cả sách *Việt điện u linh*⁽⁵⁾ chuyên chép các thần tích nhưng khi viết về Lý Nam Đế vẫn không quên ghi nhận quốc hiệu “Vạn Xuân”. Chỉ có thể giải thích hợp lý là thời Đinh và Lý thật sự không chính thức đặt ra quốc hiệu mới nên các soạn giả đã không ghi nhận. Sau đây là các bằng cứ chứng minh lý giải này:

Trong văn khắc bia đá đời Lý có một tấm bia đã khắc quốc hiệu Đại Việt, đó là bia *Đại Việt quốc đương gia đệ tử đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi* (大越國當

* Thành phố Biên Hòa.

家第四帝崇善延齡塔碑)⁽⁶⁾ do Nguyễn Công Bật soạn, niên đại Thiên Phù Duệ Vũ 2 (1121), tuy nhiên cũng khoảng đời Lý, lại có tấm bia không khắc quốc hiệu Đại Việt mà lại là Cự Việt (鉅越), đó là ở bia **Cự Việt quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự** (鉅越國太尉李公石碑銘序),⁽⁷⁾ khuyết danh, niên đại khoảng năm 1159 và văn khắc chuông đồng *Thiên Phúc tự hồng chung minh văn* (天福寺洪鐘銘文), cũng viết tên nước là **Cự Việt** (巨越) ở đoạn văn: *Thiền sư Đạo Hạnh đi lạc quỳên trong nước Cự Việt* (道行禪師緣化巨越國).⁽⁸⁾

Quốc hiệu **Cự Việt** chưa từng được ghi nhận trong các tài liệu sử học xưa nay, vậy tại sao lại là **Cự Việt**? Chữ Hán *cự* 鉅 và 巨 là hai chữ đồng âm, đồng nghĩa: lớn. Chữ *đại* 大 cũng có nghĩa là lớn, nên có thể dùng 鉅 và 巨 (lớn) để viết thay. Nhưng, liệu Đại Việt, nếu đúng là một quốc hiệu chính thức được đặt ra và ban bố vào đời vua Lý Thánh Tông và các đời vua Lý sau vẫn sử dụng có được phép viết khác chữ, dù là chữ đồng nghĩa hoặc là biện pháp kỵ húy hay không? Chắc chắn là không vì đó là khi quân phạm thượng. Theo ý tôi, sự xuất hiện cách viết khác nhau về quốc hiệu như trên chỉ chứng tỏ, thật ra vào đời Lý, không có một quốc hiệu chính thức do vua ban bố thi hành. Vua Lý Thái Tổ trong *Chiếu dời đô* (遷都詔)⁽⁹⁾ đã gọi tên nước là VIỆT trong *Việt bang* (越邦) và theo *Văn hiến thông khảo* đời Nguyên do Mã Đoan Lâm biên soạn⁽¹⁰⁾ đã dẫn tài liệu đời Tống là *Quế Hải ngư hành chí* (桂海虞衡志) do Phạm Thành Đại (1126 - 1193) biên soạn và sau đến *Tục tư trị thông giám*⁽¹¹⁾ cũng đã ghi nhận nhà Lý từng sử dụng ấn “Nam Việt quốc ấn” (南越國印) trên văn thư ngoại giao Tống - Việt. Tuy sử Việt không nói đến ấn này, nhưng nguồn tài liệu ở trên có thể tin cậy vì bằng chứng là *An Nam chí lược* từng xác nhận vua Tống đã truy phong cho Lý Công Uẩn là *Nam Việt vương* vào cuối đời Lý, bài “Chiếu nhường ngôi” (禪位詔) của Lý Chiêu Hoàng⁽¹²⁾ cũng đã từng gọi nước ta là *Nam Việt quốc* (南越國). Những tên gọi nước vào đời Lý như **Việt**, **Đại Việt**, **Cự Việt**, **Nam Việt** đã cho thấy tên gọi nước phổ biến nhất chỉ là VIỆT và các chữ ở đầu như Đại, Cự, Nam chẳng qua là tiếng thậm xưng (lớn) hay từ chỉ vị trí (phương Nam) mà thôi. Không chỉ ở đời Lý, tên nước ta gọi là VIỆT mà trước đó vào đời Đinh - Tiền Lê cũng vậy, bằng chứng là những viên gạch thời Đinh - Tiền Lê ở Hoa Lư có dấu ấn nổi *Đại Việt quốc quân thành chuyên* (大越國軍城磚)⁽¹³⁾ và theo *Đại Việt sử lược*, vua Đinh Tiên Hoàng phong cho thái tử Đinh Liễn là “Nam Việt vương”, vương hiệu này đã được Đinh Liễn cho khắc vào cột kinh Phật bằng đá ở Hoa Lư⁽¹⁴⁾ và qua đời Tiền Lê⁽¹⁵⁾ cũng thế, nhà Tống phong cho Lê Hoàn là “Nam Việt vương”.⁽¹⁶⁾ Rõ ràng tên nước thời Đinh, Tiền Lê là VIỆT và chữ Đại hay Nam chỉ là phụ thêm. Sự xuất hiện hai chữ Đại Việt trên gạch thời Đinh,⁽¹⁷⁾ trước hết là bằng chứng phủ nhận quốc hiệu “Đại (Cù) Việt” thời Đinh do *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép⁽¹⁸⁾ và cũng phủ nhận luôn thông tin do *Đại Việt sử ký toàn thư* khẳng định về Lý Thánh Tông đặt quốc hiệu là Đại Việt.

Tóm lại, với các bằng chứng thư tịch, di vật khảo cổ thì từ đời Đinh, Tiền Lê đến đời Lý đã xác định một sự thật lịch sử: Chỉ có tên gọi nước phổ biến là VIỆT và đứng trước chữ VIỆT có thể tùy ý dùng các chữ như Đại, Cự, Nam. Thông tin từ *Đại Việt sử ký toàn thư* khẳng định vua Lý Thánh Tông lần đầu tiên đặt ra quốc hiệu Đại Việt là một ngộ nhận và sự ngộ nhận này có nhiều khả năng do tin tưởng vào thư tịch Trung Hoa. Tài liệu cổ Trung Hoa liên quan đến quốc hiệu Đại Việt đời vua Lý Thánh Tông, sớm nhất hiện biết là sách *Mộng Khê bút đàm*⁽¹⁹⁾ do Thảm Quát biên soạn khoảng 1088, đây là tài liệu cùng thời Lý Thánh Tông, sách có đoạn: *Đến Nhật Tôn (tức Lý Thánh Tông), bèn tiếm xưng là “Pháp Thiên Ứng Vận Sùng Nhân Chí Đạo Khánh Thành Long Tường Anh Vũ Duệ Văn Tôn Đức Thánh Thần Hoàng Đế”, tôn (Lý) Công Uẩn là “Thái Tổ Thần Vũ Hoàng Đế”, quốc hiệu là Đại Việt.* Sau đó đến bộ *Tống sử*,⁽²⁰⁾ sách này được Thoát Thoát vâng lệnh vua Nguyên biên soạn lại vào khoảng năm 1343 cũng ghi chép đại ý như vậy: *Ngật Tôn (Lý Thánh Tông) tự xưng Đế ở nước này, tiếm xưng là Pháp Thiên Ứng Vận Sùng Nhân Chí Đạo Khánh Thành Long Tường Anh Vũ Duệ Văn Tôn Đức Thánh Thần Hoàng Đế, tôn (Lý) Công Uẩn làm “Thái Tổ Thần Vũ Hoàng Đế”, quốc hiệu là Đại Việt.* Hai thông tin trên đã xác định dữ kiện lịch sử: Bắt đầu từ Lý Thánh Tông mới tự xưng đế chứ trước đó Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông không xưng đế và *thời điểm này trong nước có hay đang dùng quốc hiệu là Đại Việt chứ không xác định quốc hiệu mới đặt ra.* Các sử gia của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, chắc chắn đã tham khảo các tài liệu trên và tự suy diễn bằng đoạn văn: Đặt quốc hiệu là Đại Việt (建國號曰大越), cách dùng chữ *kiến* (建) nghĩa là dựng lên, đặt ra như muốn khẳng định là Lý Thánh Tông lần đầu tiên đặt ra quốc hiệu Đại Việt. Nhưng, như trên đã luận chứng, trước *Đại Việt sử ký toàn thư*, sách *Đại Việt sử lược* và *An Nam chí lược* đều không nhắc đến sự kiện Lý Thánh Tông đặt ra quốc hiệu Đại Việt và quan trọng nhất, sự phát hiện gạch Hoa Lư vào thế kỷ X có dấu ấn Đại Việt đã chứng minh đời Lý Thánh Tông thật ra cũng chỉ dùng lại tên gọi nước cũ là Đại Việt mà thôi và không thể có điều nghịch lý rằng, Lý Thánh Tông lấy tên nước cũ của nhà Đinh rồi ban bố thành một quốc hiệu mới!

Kết luận

Kể từ khi *Đại Việt sử ký toàn thư* khẳng định về sự kiện vua Lý Thánh Tông vào năm 1054 đã đặt ra quốc hiệu Đại Việt là từ đó về sau, mọi sử gia, học giả trong và ngoài nước cho đến nhà biên soạn sách giáo khoa, nhà giáo đều tin tưởng không chút hoài nghi rằng đó là một sự thật lịch sử và vẫn mặc nhiên lưu truyền, giảng dạy phổ biến cho các thế hệ sau. Thế nhưng, qua tìm hiểu và khảo chứng từ thư tịch cổ Việt-Hoa và các chứng tích khảo cổ, chúng tôi phát hiện ra một sự thật lịch sử khác, có giá trị khoa học đã chứng minh thông tin của *Đại Việt sử ký toàn thư* về quốc hiệu đời Lý là một sự ngộ nhận vì đã suy diễn lệch lạc từ thư tịch Trung

Hoa: Vào khoảng đời Đinh, dù Đinh Bộ Lĩnh sau khi thống nhất đất nước, xưng đế nhưng vẫn không đặt ra quốc hiệu mới là *Đại (Cù) Việt* mà chỉ dùng tên gọi nước cũ, phổ biến (sớm nhất có thể bắt đầu từ Lý Bí với đế hiệu *Nam Việt Đế*) là Việt như Đại Việt và Nam Việt. Tiếp sau đến nhà Tiền Lê, tên nước cũng thường gọi là Đại Việt, Nam Việt. Khi nhà Lý khởi nghiệp, từ đời Lý Thái Tổ đến Lý Chiêu Hoàng, trong nước vẫn thường xưng tên nước là Việt, Đại Việt, Cự Việt, Nam Việt. Sự thật là vua Lý Thánh Tông chưa từng đặt quốc hiệu mới là Đại Việt vào năm 1054 như *Đại Việt sử ký toàn thư* đã từng ghi chép.

Biên Hòa, Ngày 28 tháng 4 năm 2017

Đ V T

CHÚ THÍCH

- (1) Viện Khoa học Xã hội (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- (2) Đinh Văn Tuấn, “Nhận thức mới về Quốc hiệu nhà Đinh”, tạp chí *Xưa & Nay*, số 368, 369.
- (3) 越史略, nguồn: http://ctext.org/library.pl?if=en&file=86874&page=2&by_title=%E8%B6%8A%E5%8F%B2%E7%95%A.
- (4) Lê Tắc (2009), *An Nam chí lược*, Trần Kinh Hòa (dịch), Nxb Lao động - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
- (5) *Việt điện u linh* (1994), Tổng tập văn học Việt Nam, tập 3b, Nxb KHXH, Hà Nội.
- (6) Phạm Thị Thùy Vinh, “Về tư liệu văn khắc Hán Nôm thời Lý”, tạp chí *Hán Nôm*, số 6 (121).
- (7) Trịnh Khắc Mạnh, “Bước đầu tìm hiểu những giá trị của văn bia Việt Nam đối với việc nghiên cứu tư tưởng chính trị xã hội nước ta thời phong kiến”, tạp chí *Hán Nôm*, số 2/1998.
- (8) Nguyễn Hữu Vinh (dịch và giới thiệu), Thích Thiện Niệm (đính chính), “Thiền sư Từ Đạo Hạnh và văn khắc chuông chùa Thiên Phúc”, nguồn: trangnhahoauihuong.com.
- (9) *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd.
- (10) 文獻通考, nguồn: <http://ctext.org/library.pl?if=en&file=8386&page=75#%E5%8D%97%E8%B6%8A%E5%9C%8B%E5%8D%B0>.
- (11) 續資治通鑑, nguồn: https://books.google.com.vn/books?id=XNBkBAAAQBAJ&pg=PT1859&pg=PT1859&dq=%22%E5%8D%97%E8%B6%8A%E5%9C%8B%E5%8D%B0%22&source=bl&ots=TqgdS3BSQL&sig=WXIRFNCzFTNtLow0HEESUzprS-I&hl=vi&sa=X&redir_esc=y#v=onepage&q=%22%E5%8D%97%E8%B6%8A%E5%9C%8B%E5%8D%B0%22&f=false.
- (12) *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd.
- (13) Nguyễn Văn Đoàn, “Khai quật di tích cổ đồ Hoa Lư năm 2009 - 2010: Kết quả và vấn đề”, tạp chí *Khảo cổ học*, số 3/2010.
- (14) Hà Văn Tấn, “Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 76, 1965. Trong *Theo dấu các văn hóa cổ* (1997), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- (15) Ở truyện Sóc Thiên Vương (Tỳ Sa Môn Vương) trong sách *Lĩnh Nam chích quái* (tục biên) đã dẫn *Thiền uyển tập anh* để ghi nhận tên nước thời vua Lê Đại Hành gọi là “**Cự** Việt quốc” (巨越國) (theo *Lĩnh Nam chích quái bình giải*, nguồn: <https://trandinhhoanh.wordpress.com/2010/07/03/linh-nam-chich-quai-truy%E1%BB%87n-soc-thien-v%C6%B0%C6%A1ng/> do Nguyễn Hữu Vinh, Trần Đình Hoành biên soạn). Trong sách này có “Lời hậu跋” (bát

cuối sách) - *Lĩnh Nam chí quái liệt truyện* quyển 3 (tục loại) của Đoàn Vĩnh Phúc, ghi năm hoàn thành là đầu năm Quang Bảo (1554), trong khi bản *Thiên uyển tập anh* xưa nhất còn lại là bản *Vĩnh Thịnh* thứ 11(1715) không có “Cự Việt quốc”, có lẽ đã được nhuận sắc lại. Vậy thời Tiền Lê đã từng gọi tên nước là “Cự Việt” có đúng hay không cần phải tìm thêm chứng cứ khác.

(16) *An Nam chí lược*, sách đã dẫn.

(17) Cho đến nay chưa có nhà khảo cổ, sử học trong và ngoài nước nào đã phủ nhận một cách thuyết phục về xuất xứ, thời đại ra đời của gạch *Đại Việt quốc quân thành chuyên* ở Hoa Lư. Cũng có người cho rằng gạch này xuất xứ từ nước Đại Việt của Lưu Nham. Dưới đời nhà Đường - Hậu Lương, Lưu Nham mưu đồ lập quốc, xưng đế ở Phiên Ngu (Quảng Châu) và đặt quốc hiệu là “Đại Việt” vào năm 917 nhưng vào năm 918, lại đổi quốc hiệu là Đại Hán, sử sách còn gọi là Nam Hán. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, có thể gạch *Đại Việt quốc quân thành chuyên* được sản xuất ở Quảng Châu nhưng sau đó nhà Đinh (khởi nghiệp từ năm 968) đã sử dụng (mua lại gạch cũ ở Quảng Châu hay dùng lại số gạch đã nhập từ trước) gạch Đại Việt này để xây thành Hoa Lư? Nhưng ý kiến này không thuyết phục vì cho đến nay giới khảo cổ học Quảng Châu, Trung Quốc chưa thấy phát hiện, công bố gạch *Đại Việt quốc quân thành chuyên* ở Quảng Châu, mà lẽ ra phải có rất nhiều từ lòng đất. Dĩ nhiên, gạch ĐVQQTC được sản xuất tại Hoa Lư nước Đại Việt thời nhà Đinh là hợp lý hơn.

(18) Xem “Nhận thức mới về Quốc hiệu nhà Đinh”, bđd.

(19) Nguyên văn: 至日尊, 乃僭稱 法天應運崇仁至道慶成龍祥英武睿文尊德聖神皇帝, 尊公蘊為太祖神武皇帝, 國號大越. 夢溪筆談, “Tứ khố toàn thư”, nguồn: <http://ctext.org/library.pl?if=en&file=5192&page=28#%E5%A4%A7%E8%B6%8A>.

(20) Nguyên văn: 日尊自帝其國, 僭稱法天應運崇仁至道慶成龍祥英武睿文尊德聖神皇帝, 尊公蘊為太祖神武皇帝, 國號大越. 宋史, “Tứ khố toàn thư”, nguồn: <http://ctext.org/library.pl?if=en&file=76228&page=204#%E5%A4%A7%E8%B6%8A>.

TÓM TẮT

Theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, vào năm 1054, vua Lý Thánh Tông đặt tên nước là Đại Việt. Sự kiện này được các nhà sử học mặc nhiên thừa nhận từ trước đến nay.

Thế nhưng, qua tìm hiểu và khảo chứng từ thư tịch cổ Việt - Hoa, tác giả bài viết này cho rằng, dưới thời Lý, trong nước vẫn thường xưng tên nước là Việt, Đại Việt, Cự Việt, Nam Việt, là những tên nước đã từng được sử dụng ở các triều đại trước. Sự thật là vua Lý Thánh Tông chưa từng đặt quốc hiệu mới là Đại Việt vào năm 1054 như *Đại Việt sử ký toàn thư* đã chép.

ABSTRACT

VIETNAMESE COUNTRY NAME UNDER THE LÝ DYNASTY

According to *Đại Việt sử ký toàn thư* (Complete Annals of Đại Việt), in 1054, King Lý Thánh Tông named the country Đại Việt. This event has been implicitly acknowledged by historians. However, by checking evidence from ancient Vietnamese and Chinese bibliography, the author states that under the Lý Dynasty, our country was simply called Việt. The names of Đại Việt, Cự Việt or Nam Việt were used in previous dynasties. It is true that King Lý Thánh Tông never names our country Đại Việt in 1054 as recorded by *Đại Việt sử ký toàn thư*.